

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 78/2015/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định về xây dựng, ban hành, công bố công lệnh tải trọng,
công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về xây dựng, ban hành, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về xây dựng, ban hành, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, ban hành, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt*: là khả năng thông qua của kết cấu hạ tầng được xác định bởi các yếu tố tải trọng trục, tải trọng rải đều, tốc độ chạy tàu lớn nhất (V_{max}) trên một đoạn tuyến đường sắt; năng lực thông qua của nhà ga, của hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt.
2. *Biểu đồ chạy tàu*: là cơ sở của việc tổ chức chạy tàu, được xây dựng hàng năm, hàng kỳ và theo mùa cho từng đoạn tuyến, từng khu đoạn và toàn mạng lưới đường sắt. Biểu đồ chạy tàu thể hiện số lượng đôi tàu, việc vận dụng đầu máy, toa xe, ga tác nghiệp và thời gian chạy tàu trên các khu gian trong một ngày đêm trên một đoạn tuyến, một khu đoạn, một tuyến đường sắt.
3. *Tác nghiệp kỹ thuật*: là các tác nghiệp phục vụ cho đoàn tàu chạy an toàn và bảo đảm chất lượng phục vụ.
4. *Thời gian chạy tàu lũy hành*: là thời gian chạy tàu tính từ ga xuất phát đến ga cuối cùng, bao gồm cả thời gian chạy trên đường và thời gian dừng để tránh vượt, làm tác nghiệp kỹ thuật, tác nghiệp hành khách, hàng hóa.
5. *Tải trọng trục*: là tải trọng tối đa cho phép trên trục của phương tiện giao thông đường sắt quy định trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt, đơn vị tính là tấn/trục.
6. *Tải trọng rải đều*: là tải trọng tối đa cho phép tính theo chiều dài của phương tiện giao thông đường sắt được quy định trên từng đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt, đơn vị tính là tấn/mét.

Chương II

XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH, BAN HÀNH, CÔNG BỐ CÔNG LỆNH

TẢI TRỌNG, CÔNG LỆNH TỐC ĐỘ

Điều 4. Yêu cầu khi xây dựng, điều chỉnh công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ

1. Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt.
2. Đảm bảo tốc độ chạy tàu tối đa cho phép, tải trọng trục, tải trọng rải đều ổn định trong kỳ công bố và phù hợp với năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt.

3. Hạn chế số lượng điểm biến đổi tốc độ trong một khu gian.
4. Chiều dài mỗi dải tốc độ trên tuyến phải bảo đảm không ngắn hơn 800 mét (trừ các điểm chạy chậm cố định).
5. Tải trọng trục, tải trọng rải đều quy định cho mỗi loại đầu máy, toa xe và đoàn tàu phải đồng nhất trong một khu đoạn.

Điều 5. Nội dung cơ bản của công lệnh tải trọng

1. Tải trọng trục.
2. Tải trọng rải đều.
3. Khu gian có độ dốc lớn nhất trên từng khu đoạn.
4. Các loại đầu máy được phép chạy đơn, chạy ghép trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt.
5. Các thông tin khác có liên quan đến cầu, đường, đầu máy, toa xe, đoàn tàu để hướng dẫn thực hiện công lệnh tải trọng.

Điều 6. Nội dung cơ bản của công lệnh tốc độ

1. Bảng tốc độ chạy tàu
 - a) Tốc độ chạy tàu lớn nhất cho phép tính từ lý trình này đến lý trình tiếp theo trên các tuyến đường sắt;
 - b) Điểm thay đổi tốc độ có ghi rõ lý trình, vị trí thay đổi tốc độ;
 - c) Điểm chạy chậm, tốc độ chạy chậm, lý trình, khoảng cách phải chạy chậm, lý do phải chạy chậm, tên gọi theo địa danh (nếu có).
2. Các thông tin khác có liên quan về cầu, đường, đầu máy, toa xe, đoàn tàu để hướng dẫn thực hiện công lệnh tốc độ.

Điều 7. Trình tự xây dựng, ban hành, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ

1. Xây dựng công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng
 - a) Doanh nghiệp quản lý, khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt căn cứ năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt, đặc tính kỹ thuật của đầu máy, toa xe vận dụng trên từng tuyến và toàn mạng lưới đường sắt quốc gia tiến hành xây dựng dự thảo công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ;

- b) Trước 30 ngày so với ngày dự kiến công bố, dự thảo công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ được gửi Cục Đường sắt Việt Nam để tham gia ý kiến;
- c) Chậm nhất 20 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, Cục Đường sắt Việt Nam phải có ý kiến bằng văn bản và gửi doanh nghiệp quản lý, khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;
- d) Doanh nghiệp quản lý, khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ để ban hành và công bố.

2. Ban hành công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ

- a) Công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ khi được ban hành phải gửi Cục Đường sắt Việt Nam để thực hiện việc giám sát, các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị (đối với những tuyến đường có chạy chung tàu của đường sắt quốc gia và tàu của đường sắt đô thị) để triển khai thực hiện;
- b) Công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ phải được ban hành trước 10 ngày so với ngày dự kiến thực hiện.

3. Công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ

Doanh nghiệp quản lý, khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ ngay sau khi ban hành bằng các hình thức thích hợp và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý, khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 8. Trình tự điều chỉnh công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ

- 1. Khi có sự thay đổi về năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc đề nghị bằng văn bản của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị về các yếu tố không phù hợp với nội dung quy định trong công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ thì doanh nghiệp quản lý, khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt tiến hành xem xét để quyết định điều chỉnh lại công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ cho phù hợp.

2. Việc điều chỉnh công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ phải bảo đảm đúng các quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

3. Việc ban hành, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ điều chỉnh thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư này.

Chương III

XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH, BAN HÀNH, CÔNG BỐ BIỂU ĐỒ CHẠY TÀU

Điều 9. Loại tàu và thứ tự ưu tiên của các loại tàu

Loại tàu và thứ tự ưu tiên của các loại tàu trên đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

Điều 10. Số hiệu các loại tàu

Số hiệu các loại tàu, nguyên tắc đánh số hiệu tàu trên đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

Điều 11. Nội dung cơ bản của biểu đồ chạy tàu

1. Tổng số đôi tàu khách, tàu hàng (bao gồm cả tàu chính thức và tàu dự bị), thành phần đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu chạy, loại đầu máy kéo tàu trên các khu đoạn, các tuyến đường sắt trong một ngày đêm.

2. Ga đỗ và thời gian đỗ làm tác nghiệp cắt, nối toa xe hàng, tác nghiệp hành khách, tác nghiệp tránh, vượt tàu và tác nghiệp kỹ thuật đầu máy, toa xe đối với từng đoàn tàu.

3. Thời gian đi, đến, thông qua các ga, thời gian chạy trên từng khu gian của từng đoàn tàu.

4. Các quy định cần thiết khác có liên quan đến việc lập tàu, đảm bảo an toàn chạy tàu, đảm bảo tàu đi, đến đúng giờ, các hướng dẫn và triển khai thực hiện biểu đồ chạy tàu.

Điều 12. Yêu cầu khi xây dựng, điều chỉnh biểu đồ chạy tàu

Khi xây dựng, điều chỉnh biểu đồ chạy tàu phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản đã được quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

Điều 13. Trình tự xây dựng, ban hành, công bố biểu đồ chạy tàu

1. Xây dựng biểu đồ chạy tàu